

« Tây dương Gia tô bí lục », một tài liệu lịch sử quý giá, nêu cao tinh thần yêu nước chống xâm lược

CHU THIÊN, ĐÌNH XUÂN LÂM

1. Một quyển sách viết năm 1794 và in năm 1812.

Ở Thư viện tư liệu khoa Lịch sử trường Đại học Tổng hợp Hà-nội, có một quyển sách chữ Hán chép tay, giấy giố, khổ $0,32\text{m} \times 0,22\text{m}$ gáy gân sơn, bìa giấy quét sơn quang dầu, mép quét sơn đỏ, ở hai mép hai đầu trên, dưới đều có chữ khoảng trắng, trên viết 4 chữ tên sách « *Dương tả bí lục*. Nhưng tên chính viết ở bên trong là *Tây dương Gia tô bí lục*. Bìa trước đã rách mất tờ quét sơn. Sách dày 103 tờ, mỗi tờ gấp thành 2 trang, mỗi trang có 10 dòng, mỗi dòng có từ 28 đến 31, 32 chữ, viết lối đá thảo. Những chú thích và nhận định của tác giả viết bằng chữ nhỏ thành hai dòng con, ở giữa dòng lớn, liền ngay dưới những chữ hoặc câu được chú thích. Ở trang đầu, sau tên sách, đến bài tựa chiếm 3 trang rưỡi cộng 34 dòng. Cuối cùng có đề một dòng ghi niên hiệu và tên tác giả như sau:

Tàn Lê, Giáo dân niên, đào nguyệt kỷ, Nguyễn Bá Am, Trần Trình Xuyên cần đề (nhà Lê đã tàn, năm Giáp dần, tháng 3 ghi, Nguyễn Bá Am, Trần Trình Xuyên kính cần đề).

Liền sau đây ghi thêm hai dòng tên tác giả: « *Quyển 4 : các cụ già ở Nam-lục là Phạm Ngô Hiến, Nguyễn Hòa Đường cùng soạn.* »

« *Quyển 1 đến quyển 9: các cụ sau ở Hải-châu là Nguyễn Bá Am và Trần Trình Xuyên cùng soạn và tự chép.* »

Kể đến phần mục lục (trang 3a) chép rõ từ

quyển 1 đến quyển 9, mỗi quyển có hai câu thơ 7 chữ làm tiêu đề.

Trang 3b và trang 4a lược dẫn 23 lời giảng, mỗi lời lại có ghi thêm dẫn chứng để bác bỏ.

Cũng ở trang 4a, có dẫn gốc những sách tham khảo các tác giả đã dùng, được ghi rõ như sau:

«..... Rất nhiều sách. Đây tóm tắt từ 7 bộ:

1. *Bí lục* (tức *Bí pháp Gia tô*, chỉ có Viết vô (1) được biết tức nay là quyển 4).

2. *Thực lục* (tức do các môn đồ Gia tô chép những điều đã thấy).

3. *Ngoại lục* (trong đó vua tôi dùng lời khoe khoang mê hoặc quần chúng).

4. *Bị lục* (soạn những lời đối trả).

5. *Ngâm lục* (lược lấy ở *Thực lục* ra chia thành 15 đoạn, bắt những người theo đạo tụng đọc luôn, đều là những lời khoe khoang tán dương).

6. *Quốc ký* (ghi chép vua tôi các đời của đạo).

7. *Nhất thống* (chép các nước bị thôn tính) (2).

Nay lược gồm làm 1 bộ. Từ quyển 1 đến quyển 4 lấy *Thực lục*, *Bị lục* làm chính. Từ quyển 5 trở đi đều tham khảo các sách *Quốc ký* *Nhất thống*, trong đó có chú thêm những lời ở *Ngoại lục*, *Bị lục*).

(1) Cấp bậc ở trên giám mục, có lẽ là cấp bậc Khâm mạng thừa sai và hồng y giáo chủ.

(2) Những đoạn trong ngoặc đơn này là ghi chú của tác giả viết bằng chữ nhỏ.

Sau đó đến 2 trang (4b và 5a) lược thuật qua phong tục, ngôn ngữ, y phục của các nước Tây dương Huê-lan, Y-thi-tô (1).

Từ trang 5b trở đi, bắt đầu nội dung chính của bộ sách, chia ra như sau: quyền 1 (từ trang 5b đến trang 10a); quyền 2 (10b—22b); quyền 3 (22b—34b); quyền 4 (34b—52b); quyền 5 (52b—65a); quyền 6 (65b—78a); quyền 7 (78b—86a); quyền 8 (86b—93a); quyền 9 (93b—103b).

Theo một đoạn chép trong quyền 9, thì năm Nhâm thân (1812), thấy bọn giặc Tây về bần đồ mọi nơi sông núi của nước ta và lấy đất bồi làm sa bần gửi về nước, tác giả Nguyễn Bá Am bèn cho khắc in bộ sách này ở nơi ngụ, phía Nam thành Thăng-long, để công bố cho mọi người biết rõ âm mưu của bọn giặc. Nhưng sách vừa mới in ra đã bị bọn Tây tung tiền ra mua hết và thuê người lập mưu cướp lấy mất bản in gỗ đem hủy đi. Quyền sách chép tay hiện có, có lẽ chép lại theo một bản khác của tác giả viết lại sau và có viết thêm, vì ở trong thấy nói đến chiến tranh Nha phiến ở Trung-quốc, năm Đạo-quang thứ 20 (1840) và nói kỹ về nọc độc của thuốc phiện.

Về năm viết sách, như bài tựa đã ghi mà chúng tôi đã dẫn ở trên, là tháng 3 năm Giáp dần (1794), nhưng theo những việc được thuật lại ở trong sách, chúng tôi thấy có điểm chưa được sáng tỏ, cần nghiên cứu thêm:

Sách này do 4 ông linh mục cùng soạn. Hai ông trước là Phạm Ngô Hiên và Nguyễn Hòa Đường (tức Phạm Văn Ất và Nguyễn Đình Bình). Hai ông này là hai cha dòng Tên, tu ở Nam-chân (nay là Nam-trực), năm 1793 sang La-mã, ở bên ấy 5 tháng, năm 1794 trở về nước, và năm 1796 bỏ chức đạo. Hai ông sau Nguyễn Bá Am và Trần Trình Xuyên (tức Nguyễn Văn Hoảng và Trần Đức Đạt) là hai cha trẻ tuổi tu ở Sơn-tây, bỏ chức đạo năm 1809. Theo lời tựa, sách viết trên dưới 4 năm mới xong, mà hai người đề tựa là hai ông Nguyễn Bá Am và Trần Trình Xuyên, tức là hai tác giả chính của bộ sách, lại là hai người bỏ đạo sau, cho nên chúng tôi ngờ chữ *Giáp dần* (1794) có thể chính là chữ *Bính dần* (1806) mà do người sau sao chép đã viết sai đi chăng. Hoặc giả do dụng ý của hai ông sau chủ tâm lấy năm Giáp dần (1794) là năm hai ông già Phạm Ngô Hiên và Nguyễn Hòa Đường từ La-mã về đến nước nhà và quyết định bỏ đạo, một bước ngoặt quan trọng trong tư tưởng con người và đã khai sinh ra

quyền sách này. Vì 5 tháng ở La-mã, hai ông đã được Giáo hoàng rất ưu đãi, phong làm thánh, cho đọc hết tất cả các sách của giáo hội, nhân đó hai ông mới nhận rõ âm mưu cướp nước của bọn tư bản phương Tây và bọn gián điệp đội lốt thầy tu nên mới cùng bọn viết sách vạch trần dã tâm của địch. Có lẽ giả thuyết này có nhiều khả năng đúng sự thật hơn giả thuyết về năm Bính dần (1806) đã nói ở trên. Dù sao, đó cũng chỉ mới là suy đoán.

2. Nội dung quyền sách và giá trị tư tưởng.

Như trên đã nói, bộ sách này gồm 9 quyền, mỗi quyền có hai câu thơ 7 chữ làm tiêu đề, như ở đầu mỗi chương, mỗi hồi trong các truyện diễn nghĩa của Trung-quốc. Từ quyền 1 đến quyền 5, tác giả thuật chuyện chúa Gia tô sinh hóa và các tông đồ sáng lập ra đạo Gia tô. Quyền 6 và quyền 7 thuật đạo Gia tô truyền sang phương Tây và mưu mô mở rộng đạo của những Bà-bà (2). Quyền 8 kể lịch trình hành trưởng của đạo Gia tô ở các nước và chiến tranh ở các nước ấy chống lại đạo. Quyền 9 thuật quá trình thâm nhập và phát triển của đạo Gia-tô ở nước ta và bên Trung-quốc. Văn viết lối kể chuyện như trong các truyện diễn nghĩa. Từ quyền 1 đến quyền 5, đại thể thuật theo *Kinh thành*. Mấy quyền sau, có lẽ thuật theo những sách sử ký và địa lý do nhà thờ Va-ti-can soạn (như *Nhất thống* và *Quốc ký* đã dẫn ở trên). Tuy kiến thức về lịch sử và thế giới ở thời đại cách xa ta hơn 200 năm còn bị hạn chế nên thời điểm lịch sử và vị trí từng nước còn có những chỗ chưa được chính xác, nhưng những việc được thuật lại đều rành rọt, gọn gàng và có chứng cứ — Những chỗ nói đến nguồn gốc mỗi nghi lễ lớn nhỏ của đạo có kèm theo những nghi thức cụ thể giúp cho ta hiểu thêm những thể thức trong các buổi lễ ở nhà thờ. Đáng quý nhất ở đây là những nhận xét của tác giả phê phán, bác bỏ những điều huyền hoặc vô lý, trái tự nhiên, trái khoa học, có tính chất mê hoặc quần chúng, chứng tỏ tác giả rất trọng chân lý và khoa học. Đó là giá trị tư tưởng ở 8 quyền trên. Sang quyền thứ 9, giá trị tư tưởng còn được nâng cao thêm nữa bằng ý thức dân tộc

(1) Hà-lan, Ý-đại-lợi.

(2) Tức Giáo hoàng ở La-mã, phiên âm chữ Hy-lạp Pappas, tiếng Pháp là Pape.

và lòng yêu nước của tác giả chống âm mưu xâm lược. Đối với chúng ta, quý giá nhất là quyển thứ 9 này, quyển lịch sử sơ lược đạo Gia tô ở nước ta và Trung-quốc, như hai câu thơ tiêu đề đã nêu rõ:

*Đời Lê ta, Tây lên lút vào,
Bên Đại-thanh, Tây công nhiên đến.*

Lịch sử sơ lược, nhưng rõ ràng, đủ những mốc và những việc quan trọng, thời điểm, địa điểm đều được ghi cụ thể. Thời gian được ghi bằng năm can chi và năm thứ tư của niên hiệu triều vua. Về mốc lịch sử đầu tiên của đạo Gia tô ở nước ta, tác giả viết:

“Đời Trang-tông Du hoàng đế năm Quý ty, năm đầu niên hiệu Nguyên-hòa, Y-nê-khu lên lút đến ăn nấp ở làng Ninh-cường...” (trang 94a) (1).

Chắc chắn là sách *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn đã căn cứ vào đây, nên mới chua: “Lê Trang-tông, niên hiệu Nguyên-hòa năm đầu, có người Tây là Y-nê-khu lên vào truyền giáo ở các làng Quần-anh, Ninh-cường, huyện Nam-chân (tức Nam-trực ngày nay) và các làng Trà-lũ, huyện Giao-thủy, đều thuộc tỉnh Nam-định ngày nay” (2). Về thời điểm này, chúng tôi ngờ rằng chưa được đúng với sự thật và cần được nghiên cứu thêm. Những sách cũ của các giáo sĩ Tây phương viết chưa có quyền nào xác minh công nhận. Theo chỗ chúng tôi biết thì thời kỳ này, miền Bắc còn thuộc nhà Mạc (Mạc Đăng Doanh) và trong các sách về truyền giáo của thời kỳ này, không thấy nói đến việc này. Chỉ thấy một số tác giả, các thời kỳ sau nhắc tới sự kiện năm 1533 ở Đàng ngoài đã có chỉ dụ cấm đạo do một người ngoại dương tên là Y-nê-khu (Ingace) có lẽ từ Ma-lắc-ca sang (3). Chúng tôi ngờ rằng có thể do hai tác giả Phạm Ngô Hiên và Nguyễn Hòa-Đường, là hai cha dòng Chi thu (tức: dòng Tên) đã lầm lấy năm sáng lập ra dòng Tên và tên người sáng lập ra Hội ấy làm thời điểm và người truyền giáo vào Việt-nam chẳng. Vì năm Quý ty đời Trang-tông là năm 1533, liền với năm 1534 là năm một giáo sĩ người Pháp là Ingace (I-nê-khu) de Loyola sáng lập ra một giáo đoàn sang Viễn đông lấy tên là *Compagnie de Jésus*. Những người trong Hội gọi là *Jésuites* mà sau người ta dịch là dòng Tên. Chính những giáo sĩ dòng Tên là những người phương Tây đến nước ta đầu tiên.

Về nội dung quyển 9 sách này, có mấy điểm đặc biệt đáng chú ý:

1. Phần tự truyện của các tác giả được đưa vào một cách rất khách quan cũng như những sự kiện khác, như kể lại việc làm của người khác. Do đó chúng ta được biết rõ:

— Năm 1792, dòng Chi thu bị giải tán, tin đồn phải sáp nhập vào dòng Du-minh-cô (Dominicains) vì Giáo hoàng và Giáo hội sợ những dân đạo gốc cây công, có ý thức dân tộc đề chống lại Giáo hội và bọn tư bản Tây phương.

— Năm 1793, các tin đồn dòng Chi thu không chịu, liền cử hai cha của dòng mình là Phạm Văn Ất và Nguyễn Đình Bình (tức Ngô Hiên và Hòa Đường) sang La-mã gặp Giáo hoàng, kiện về việc mất dòng.

— Năm 1796, hai ông này bỏ đạo, sau khi đã soạn ra quyển 4 trong sách này.

— Năm 1809, hai ông Nguyễn Văn Hoàng và Trần Đức Đạt (tức Nguyễn Bá Am và Trần Trình Xuyên) bỏ đạo. Hai ông này học rất giỏi. Văn Hoàng 17 tuổi đã đỗ linh mục, Đức Đạt 20 tuổi đỗ linh mục. Sau khi bỏ đạo, hai ông đi tìm gặp hai cụ già trên trao đổi ý kiến rồi soạn ra quyển sách này. Văn Ất bị ám hại, đầu độc chết, mấy ông kia cũng hết sức giữ mình. Năm 1812, Văn Hoàng đã cho khắc in quyển sách đề công bố những âm mưu bí mật của bọn tư bản phương Tây lợi dụng đạo, núp dưới danh Chúa sang xâm lược nước ta. Nhưng sách đã bị cướp đoạt và tiêu hủy.

Những việc kể trên đều được trình bày khách quan, lần lượt theo thứ tự thời gian.

2. Quan điểm chính thống tôn nhà Lê của tác giả được thể hiện rất rõ. Những niên hiệu đánh dấu thời gian đều được sử dụng như nhau cả: Nguyên-hòa, Vĩnh-hựu, Cảnh-hưng triều Lê; Quang-trung, Cảnh-thịnh triều Tây-

(1) Tác giả còn cho biết cụ thể là Y-nê-khu đến nước ta ngày 24 tháng 4 âm lịch, lập ra một dòng lấy tên là dòng Chi thu (tức Giê-su).

(2) Lời chua ở Việt sử Thông giám cương mục, quyển 33, tờ 6b.

(3) Xem Romanet du Caillaud — *Tiểu luận về nguồn gốc đạo Thiên chúa ở Bắc-kỳ và các xứ An-nam* (Essai sur les origines du christianisme au Tonkin et dans les pays annamites); (Paris, 1915); Bonifacy — *Đạo Thiên chúa ở xứ An-nam từ buổi đầu đến đầu thế kỷ XVIII* (Les débuts du christianisme en Annam des origines au début du XVIII^e siècle) Hà-nội, 1930.

sơn; Gia-long triều Nguyễn... Nhưng, như đã dẫn ở trên, khi viết bài tựa, tác giả không dùng niên hiệu, mà chỉ đề *Tân Lê* nghĩa là nhà Lê đã tàn, đã mất. Quan niệm tôn Lê còn thấy rõ trong việc dùng niên hiệu của Lê Trang-tông để ghi sự kiện và địa điểm ở khu vực thống trị của nhà Mạc. Thực ra năm 1533, nhà Lê chỉ mới có văn ven mấy huyện miền núi lĩnh Thanh-hóa, còn toàn bộ đất nước thuộc nhà Mạc cả. Năm ấy là năm Đại-chính thứ 4 của Thái-tông Văn hoàng đế Mạc Đăng Doanh, đáng lẽ phải dùng niên hiệu Đại-chính của nhà Mạc mới đúng. Quan niệm tôn Lê ấy chứng tỏ tác giả chịu ảnh hưởng của nho giáo khá sâu sắc.

Nhưng điều nổi bật nhất ở đây là tình thần trọng khoa học, trọng chân lý và tình thần dân tộc, tình thần yêu nước của các tác giả. Hai thứ ấy quện chặt lấy nhau, và có thể nói là tình thần trọng khoa học, trọng chân lý ở đây bắt nguồn từ một lòng yêu nước mạnh mẽ, luôn luôn cảnh giác cao độ với âm mưu xâm lược của bên ngoài. Hai ông Ngô Hiến và Hòa Đường đi sang La-mã được Giáo hoàng phong làm thánh, được trao chân dung vẽ ở điện Va-ti-căng, được đọc các sách quý của nhà thờ, được phép vào thăm thư viện riêng của Giáo hoàng, trong đó hai ông thấy:

«... Mọi thứ sách và các sách quốc sử, sách kinh truyện tinh lý của Trung-quốc, không thiếu thứ gì. Một chốc Bà-bà đưa ra một bức địa đồ, trở cho hai người xem, thì rõ ràng non sông của ta đã có đủ ở trong ấy rồi. Bà-bà cười nói rằng: «Đây là địa đồ của nước các ngươi đấy!» rồi trở cho một giải từ cửa lễ Đại-ác (1) ở bờ Nam thông với sông Vị-hoàng qua các hạt Nam-sang, Chương-dương, Thăng-long, Kinh-bắc, Thái-nguyên, Tuyên-quang làm giới hạn. Ở phía Đông sông Cái, nửa số huyện ở thượng lưu thuộc trấn Sơn-nam thượng, toàn huyện Nam-chân, nửa huyện Đại-an theo về trấn Hải-dương, Yên-quảng, Kinh-bắc, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn, Tụ-long, Bảo-lạc, giáp giới Trung-quốc đều thuộc phái Minh-cô quân lĩnh. Về phía Nam sông Cái, từ huyện Mỹ-lộc thuộc trấn Sơn-nam hạ suốt đến phủ Khoái châu, suốt đến Thăng-long, Sơn-tây, Nghệ-an, Bồ-chính, Thanh-hóa nội ngoại, Quảng-nam, Thuận-hóa, Biên-hóa, Phan-an, Gia-định, Hà-tiên v.v... đều thuộc phái Phê-rô quân lĩnh (Đông là Minh-cô, Tây là Phê-rô)» (trang 97a).

Rồi Giáo hoàng nói chuyện thân mật với hai ông, khoe sự thịnh đạt của giáo hội và của tư bản Tây phương, tiết lộ rõ tham vọng của tư bản Tây phương chủ tâm xâm chiếm nước ta và dự đoán chỉ trăm năm nữa là cả

nước này «sẽ được sống chung trong sự che chở của đạo và của người Tây» (Trang 97b).

Hai ông được đi xem khắp nơi, so sánh và suy nghĩ, liền nói riêng với nhau rằng: «Xem ra bọn Tây-dương dựa vào Chúa trời, vào Gia-tô để ỷ xâm chiếm nước người ta đã từ lâu rồi! Nay chúng ta lại vì bọn họ mà xua đuổi dân chúng đi theo, thật chỉ làm những việc uổng công vô ích!». Lại nói thêm rằng: «Được phong thần, không phong ở nước Nam mà phong ở nước Tây thì phỏng có lợi gì cho ta» (trang 97a).

Nhận thức được chính xác như vậy, khi trở về nước, hai ông bèn bỏ chức.

«Ất bảo Bình lấy vợ. Bình lấy một bà góa. Đốc chính (2) dụ Ất về nghỉ ở nhà thờ Ninh-cường. Lại dụ Đình Bình rằng: «Cụ có công lớn mà chỉ có tội nhỏ mà thôi. Đức chúa Trời đã mất truyền phục chức lại cho cụ. Nay cụ nên làm giấy bỏ tội nọ và đưa con trai đi, tức thì được tha tội ngay. Nhưng từ nay về sau, mỗi khi làm lễ xong, cụ phải quỳ ở bên ghế, đọc kinh hối tội một lần thì khỏi phải xuống địa ngục» (Xem thể thì xưng tội, giải tội đều do nó sai khiến cả mà thôi! Chúa trời có biết gì đâu! (3) (trang 97b).

Sau đó hai ông đều bỏ hẳn đạo.

Hai ông sau, Văn Hoảng và Đức Đại tại nghe mắt thấy những lời nói việc làm của các cố Tây mê hoặc quần chúng, lừa dối ngay trước mắt (có dẫn chứng), hai ông căm tức thành bệnh, phát điên hơn một năp, rồi bỏ đạo. Hai ông tự than thở với nhau rằng: Vua tôi chúng mày chỉ lừa dối thiên hạ để cướp nước» (trang 98b).

Hai ông liền bỏ đạo và tìm đến gặp hai ông già Văn Ất và Đình Bình. «Bấy giờ Văn Ất đã chết. Đình Bình rất mừng nói rằng: «Sách ta đã có chỗ ký thác rồi». Bèn đem quyển *Gia-tô bí pháp* do tay ông viết đưa cho hai người xem. Hai người xem xong, rất sợ kêu lên: Thật là giặc! Thật là giặc!... Từ lâu chúng ta bị đâm đuổi vào trong đảng giặc!» (trang 99a).

Hai ông liền căn cứ vào quyển sách mà soạn ra bộ sách này. Chính là do, tình thần yêu nước chống xâm lược, muốn vạch trần âm mưu lợi dụng đạo để đi cướp nước của

(1) Nay là Độc-bộ ở huyện Nghĩa-hưng tỉnh Nam-hà.

(2) Cố đạo tây đứng coi cả một khu vực, tức giám mục một địa phận.

(3) Lời ghi chú của tác giả.

bọn tư bản Tây phương mà các ông đã viết nên bộ sách này để gửi gắm tâm sự của mình với nhân dân, với đất nước. Đúng như lời tựa đã viết :

«... Chúng tôi già rồi, biết làm thế nào. Chỉ mong bậc thánh nhân ở ngôi, bậc tài giỏi giúp nước, trong lúc rảnh rỗi, sau trăm công nghìn việc, không bỏ những lời rông dài này, tha thứ những chỗ sai lẫn, chọn những điều sở đắc để lập thành pháp luật của ta, xét đến sự thật để trừ diệt giặc Tây, khiến cho non sông nước Nam, vua nước Nam ở, nghìn năm xã tắc vững âu vàng (1), cho muôn đời sau được nhờ mãi mãi. Đó là một tấm chân thành canh cánh bên lòng của bốn người quê mùa chúng tôi vậy » (trang 4a).

Rõ ràng là các ông có ý chân thành muốn cho tất cả vua quan, dân chúng biết rõ đã tâm của kẻ địch bên ngoài để mà khôn khéo đề phòng và định ra pháp luật cụ thể và đúng đắn, ngăn ngừa từng bước sự xâm lược có tính toán lâu dài. Hành động bỏ đạo của các ông chính là do tinh thần yêu nước kích thích, các ông không cam tâm làm tay sai cho những âm mưu xâm lược, không muốn đưa lòng tin của mình cho người ngoài lợi dụng làm công cụ đến cướp nước, hại dân.

3. Một truyền thống yêu nước kính Chúa lâu dài và mạnh mẽ.

Tình hình nước ta ngay từ những năm đầu thế kỷ XVI đã bốc trần âm mưu đen tối đó. Như chúng ta đã biết, từ năm 1550 và nhất là từ năm 1580 đã có nhiều giáo sĩ Bồ, Tây-ban-nha, Ý thuộc các dòng Phơ-răng-xít-canh, Đô-mi-ni-canh, Ô-guyét-tanh tới truyền giáo ở Đông-dương. Đặc biệt từ thế kỷ XVII trở đi thì việc truyền giáo càng có kết quả cụ thể. Tính ra trong 10 năm, từ năm 1615 là năm thành lập Hội Truyền giáo Đàng trong đến năm 1625 dòng Tên đã phái đến Đàng trong 21 nhà truyền giáo. Số người theo đạo ở Đàng trong đã lên tới 15.000 người trong năm 1639 và nhiều nhà thờ giảng đạo đã mọc lên ở Đà-nẵng, Hội-an, Nước-mặn và Quảng-nam (2).

Sự phát đạt của việc truyền giáo ở Đàng trong khuyến khích các giáo sĩ dòng Tên mở rộng tuyên truyền ra Bắc. Năm 1626, giáo sĩ Bàn-di-nốt-ti (Guiliano Baldinotti) đã ra Đàng ngoài và ở lại non 7 tháng, tìm hiểu tình hình mọi mặt. Liên sau đó, Hội Truyền giáo Đàng ngoài được thành lập (1626) và Rốt (Alexandre de Rhodes) được cử đứng đầu.

Nhưng rồi ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam, các giáo sĩ phương Tây không chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ truyền giáo, mà đã lợi dụng lòng tin của vua chúa và nhân dân hồi đó để ngày càng đầy mạnh hoạt động gián điệp. Trước tình hình đó, chúa Trịnh ngoài Bắc cũng như chúa Nguyễn trong Nam buộc phải có biện pháp đối phó, như ra lệnh cấm đạo rất ngặt và trục xuất những người truyền giáo ngoại quốc. Bản thân Rốt sau khi bị trục xuất khỏi Đàng ngoài năm 1639 đã về Đàng trong lén lút truyền giáo suốt từ 1640 và đến tháng 7-1645 cũng buộc phải vĩnh viễn rời khỏi Đàng trong, và được cử về châu Âu vận động Tôn thánh La-mã viện trợ các mặt cho giáo hội Viễn-dông.

Rốt đã đến La-mã trình lên ban Tuyên úy của Tòa thánh một chương trình thành lập ở Việt-nam một chủ giáo đoàn tách ra khỏi sự bảo trợ của người Bồ. Lúc này, một sự kiện chính trị lớn đã xảy ra và có tác dụng ủng hộ đề nghị của Rốt : đó là sự kiện nước Hà-lan theo đạo Tin lành đã chiếm được đất Mal-lac-ca, tranh quyền bá chủ trên con đường Trung-quốc và Nhật-bản nên Tòa thánh La-mã thấy không còn lý do để người Bồ giữ độ quyền chỉ huy việc truyền giáo ở Á-đông nữa (3). Kết hợp vào đó, bấy giờ chủ nghĩa tư bản Pháp đã phát triển và giai cấp tư sản Pháp đang cần bành trướng thế lực ra ngoài, lớp quý tộc và giáo hội Pháp hết sức tán thành và ủng hộ cuộc vận động của Rốt ở La-mã.

Kết quả là Hội Truyền giáo nước ngoài của Pháp đã được chính phủ thành lập năm 1658 mở đường cho sự phát triển thế lực của tư bản Pháp ở Viễn-dông trước sự bất bình của tư bản Bồ, bọn này đã không bỏ một thủ đoạn nào để gạt đối thủ ra khỏi « khu vườn cấm » của chúng, từ dèm pha, chèn ép đến

(1) Lấy ý ở hai câu thơ yêu nước của Lý Thường Kiệt và Trần Nhân Tông.

(2) Hồng Lam — *Lịch sử đạo Thiên chúa ở Việt-nam* (Hà-nội, 1941).

(3) Người Bồ là những người đầu tiên đặt chân tới vùng Viễn-dông; ngay từ năm 1493 Giáo hoàng Alexandre 6 đã công nhận quyền hành pháp ở châu Á cho người Bồ. Giáo sĩ các nước muốn đi sang truyền giáo ở Viễn-dông đều bắt buộc phải xuất phát từ cảng Lisbonne (Bồ) sau khi được phép của vua Bồ, khi sang tới nơi họ thuộc quyền quản lý của giáo hội Goa (archevêché de Goa) được thiết lập từ năm 1534.

bắt giam, thậm chí đầu độc các giáo sĩ của Hội. Mặc dù vậy, thế lực của Hội Truyền giáo đối ngoại cứ ngày một phát triển không ngừng, số giáo sĩ của Hội được phái sang ngày một thêm đông, quy mô và cơ sở của Hội ngày một thêm rộng rãi, hệ thống ngày càng hoàn chỉnh trong phạm vi cả nước. Trong khi đó thì các cơ sở của dòng Tên của người Bồ tuy cũng tiếp tục phát triển suốt một dọc từ Lạng-sơn đến Nghệ-an nhưng ngày càng bị lép vế. Mâu thuẫn giữa các giáo sĩ dòng Tên (Bồ) với các giáo sĩ của Hội Truyền giáo đối ngoại (Pháp) ngày càng thêm sâu sắc (1).

Có trường hợp do sự vận động chạy chọt của Hội Truyền giáo đối ngoại mà các giáo sĩ dòng Tên bị tòa thánh Va-ti-căng gọi về La-mã và cấm không được hành giáo nữa (như các giáo sĩ Giovanni Filippo de Marini, Manoel Ferreira, Fuciti) (2).

Mâu thuẫn giữa dòng Tên và Hội truyền giáo đối ngoại phản ánh mâu thuẫn giữa tư bản hai nước Bồ và Pháp. Đồng thời các dòng Đô-mi-ni-can, Phê-răng-xít-can, Ô-guyt-tanh cũng lợi dụng thời cơ các giáo sĩ dòng Tên đang thất thế để chen ép cạnh tranh. Thêm vào đó, chính sách hạn chế của Giáo hội đối với các giáo sĩ Việt-nam cũng rất khắc nghiệt. Chúng cố tình ngăn trở việc xây dựng một tầng lớp giáo sĩ người trong nước vì sợ những người chân thành yêu nước kính Chúa có ý thức dân tộc tất nhiên đi đến chỗ chống đối lại bọn tư bản phương Tây có Giáo hội cố tình che chở (3). Có lẽ chính vì vậy mà năm 1793, hai cha dòng Tên tu ở Nam-chân (nay là Nam-trực) là Phạm Ngô Hiền và Nguyễn Hòa Đường (tức Phạm Văn Ất và Nguyễn Đình Bính) đã sang La-mã để kiện với Giáo hoàng về việc mất dòng, như trong quyền 9 của *Tây dương Gia-lô bí lục* đã thuật rõ.

Bước sang thế kỷ XVIII, các giáo sĩ phương Tây càng đẩy mạnh thêm hoạt động. Đứng trước nguy cơ đó, đáng lẽ ra giai cấp phong kiến cầm quyền trong nước phải có biện pháp đối phó thích hợp, một mặt tranh thủ củng cố quốc phòng trên cơ sở bồi dưỡng sức dân, mặt khác cần phân biệt rõ ràng bọn gián điệp đối lõt thầy tu của nước ngoài và một bọn rất ít tay sai với số đông tín đồ chân thành yêu nước kính Chúa. Trái lại, do bản chất hèn yếu và ngu muội, bọn chúng đã phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác vô cùng tác hại cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại. Như bên trong vẫn tiếp tục bòn rút nhân dân lao động đến tận

xương tủy và đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân, thẳng tay phá hoại khối đoàn kết toàn dân với chính sách cấm và giết đạo ngu muội, bên ngoài ngoan cố bế quan tỏa cảng, khước từ mọi đề nghị giao thương với các nước, tưởng đâu rằng đó là cách hiệu quả nhất để trốn tránh khỏi sắt thép của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Nhưng chủ nghĩa tư bản phương Tây — trong đó có tư bản Pháp — trên con đường phát triển mạnh mẽ của nó — đâu có chịu dễ dàng lùi bước. Không những vậy, chúng còn quý quyết triệt để lợi dụng những sai lầm của giai cấp phong kiến trong nước để ngày càng xâm nhập trắng trợn hơn vào nước ta, ráo riết chuẩn bị cơ sở cho một hành động quân sự có tính chất ăm cướp sắp tới. Kết quả cuối cùng là năm 1782, bọn gián điệp đối lõt thầy tu trong Hội truyền giáo đối ngoại của tư bản Pháp do Pi-nhồ đờ Bê-hen cầm đầu đã ngoặt tay với thế lực phong kiến, địa chủ phản động trong nước do Nguyễn Ánh cầm đầu để lấy cơ trực tiếp can thiệp vào nội chính Việt-nam, báo trước việc tư bản Pháp chính thức mang quân sang đánh chiếm nước ta vào giữa thế kỷ XIX. Chính bọn Pháp sau này cũng phải xác nhận rằng các giáo sĩ Pháp « là những tay chân đắc lực nhất của một chính sách thuộc địa Pháp, nếu không phải là những người đề xướng ra chính sách đó » (4).

Ngày nay, cái âm mưu bí mật của bọn tư bản phương Tây mượn tiếng Chúa để đi xâm lược các nước trên thế giới « bằng *Gia-lô và bằng khi giới* » (như lời hoa tiêu Tây-ban-

(1) Theo một đoạn trong *Lettres édifiantes* (do Maybon dẫn trong *Histoire moderne du pays d'Annam* (1592—1820), Paris, 1919, chú thích 3, trang 138) thì đến năm 1737 ở Đàng ngoài có 19 giáo sĩ của Hội truyền giáo đối ngoại, 10 giáo sĩ dòng Tên.

(2) Ngay từ tháng 6-1661, đã có những chỉ dụ từ Goa gửi tới của hoàng đế nước Bồ ra lệnh bắt giữ các giám mục Pháp trên đường họ đi sang Ấn-độ và trục xuất ngay về Bồ (dẫn theo Maybon, sách đã dẫn, chú thích 1, trang 44 và chú thích 2, trang 38).

(3) Cho đến năm 1700 — nghĩa là 40 năm sau khi Hội truyền giáo đối ngoại thành lập — chỉ mới có 45 giáo sĩ Việt nam.

(4) A. Thomazi — *Sự chinh phục xứ Đông-dương* (La conquête de l'Indochine), Paris, 1934.

nha là San Felipe đã nói ở Nhật-bản năm 1507 (1) đã được chứng minh rõ ràng, không cần bàn cãi nữa. Nhưng ở thời kỳ đó, nhận rõ được âm mưu ấy, không bị mê hoặc vì những điều hứa phúc vụ vợ, mà lại dũng cảm vạch trần được âm mưu nham hiểm ấy cho mọi người cùng biết, phải là những người có tinh thần yêu nước rất cao. Các tác giả bộ sách này là những người yêu nước dũng cảm. Các ông đã cố gắng tập hợp tài liệu phơi bày rõ dụng tâm của các nhà truyền giáo phương Tây mượn danh Chúa hồng biển nước ta thành thuộc địa của tư bản châu Âu bằng lối tôn giáo đến trước, vũ khí theo sau. Tiếc rằng, lòng mong muốn của các ông đã không đạt được, vì sách và bản in của các ông bị tiêu hủy. Rồi mấy chục năm sau, thực dân Pháp đã đến đánh chiếm nước ta đúng như lời các ông đề phòng. Truyền thống yêu nước kính Chúa của các ông đã được Nguyễn Trường Tộ, Đinh Văn Điền... tiếp tục phát huy suốt trong thời kỳ tư bản Pháp tiến hành xâm lược nước ta. Đến khi nước mất rồi, những người yêu nước chống Pháp lại càng nhận rõ thêm sự câu kết chặt chẽ giữa giáo hội với chính quyền thực dân xâm lược. Cho nên năm Quý Hợi (lúc ngày 26 tháng 2 năm 1923), trong khi vận động đồng bào Gia-tô giáo yêu nước làm cách mạng đuổi Pháp, nhà đại cách mạng Phan Bội Châu đã viết quyển "Thiên hồ, đế hồ" vạch rõ cái thực trạng bí hiểm ấy. Có những đoạn: "... Đức cha Bi-nhu chết từ 10-1-1799, nhưng từ bấy đến nay, những giáo đồ Gia-tô người Pháp ở Việt-nam đều noi theo chính sách của Bi-nhu, bên ngoài thì đeo theo cái mặt nạ đạo đức, mà bên trong thì làm cái việc vụ lợi theo những chính sách tàn bạo của thực dân Pháp. Cho nên những người đức cha và những thầy truyền giáo người Pháp ở Việt-nam, ai cũng thỏa được dục vọng giàu có sang trọng. Còn những người Việt-nam ở dưới ách trói buộc của nhà tôn giáo thì hàng ngày chỉ làm cái việc trâu ngựa tôi tớ để cung cấp cho bọn kia mà thôi" (cuối tiết hai).

"... Chỉ vì người Pháp theo đạo Thiên chúa chỉ muốn chúng tôi bị giam hãm lâu dài vào

cái cảnh khổ giờ sống giờ chết đó mà thôi. Người có thể giải thoát chúng tôi khỏi cái ách khốn khổ ấy và đem cho chúng tôi hạnh phúc, có lẽ phải tìm ở trong những người thế giới không theo đạo Thiên chúa chăng? Trời ơi! Thượng đế ơi! Chúa Giê-su có ngày hiện sống lên nữa không? Nếu không thì đạo Gia-tô từ nay về sau cũng không khác gì đạo Thiên chúa từ nay về trước mà thôi". (Phần kết).

Từ năm 1812 đến năm 1923, hơn một trăm năm cách nhau thế mà tâm lòng nhiệt tình yêu nước thức tỉnh đồng bào của tác giả hai quyển sách in ra, vẫn giống nhau như một. Đó là truyền thống lâu dài của tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc. Nhưng vì hoàn cảnh chính trị và xã hội lúc bấy giờ, cả hai bộ sách đều không được phổ biến, âm mưu của bọn tư bản không được mọi người biết đến, mà uy thế của bọn gián điệp đội lốt thầy tu chưa bị đập đổ, cho nên tinh thần yêu nước chống xâm lược của các tác giả không được phát huy thành vũ khí của toàn dân chống giặc cứu nước. Ngày nay đế quốc Mỹ rất xảo quyệt, đang tìm mọi cách định lợi dụng nhà thờ làm chỗ dựa tinh thần và xã hội để xâm lược nước ta. Nhưng chúng đã bị thất bại thảm hại. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, toàn dân ta đoàn kết nhất trí đã làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi và đang hăng hái thi đua chiến đấu và sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Truyền thống yêu nước chống xâm lược được phát huy đầy đủ, những người theo đạo Gia-tô thành thật kính Chúa và yêu nước, giữ vững đức tin của mình, không hề bị những lời lừa dối mê hoặc, đã hăng hái đứng lên cùng với toàn dân quyết tâm đánh bại giặc Mỹ xâm lược, cứu nước, bảo vệ đạo, bảo vệ tự do tín ngưỡng.

(1) Theo Lê Thành Khôi dẫn trong *Nước Việt-nam, lịch sử và văn hóa* (Le Vietnam, histoire et civilisation), trang 280, chú thích 98).